

Số: /BC-THTL

Tiên Lăng, ngày tháng 01 năm 2026

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

**Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Tiên Lăng.**

**Phòng Văn hóa – xã hội xã Tiên Lăng**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 5954/SGDDĐT-GDMN&GDTH ngày 26/8/2025 của Sở GD&ĐT Hải Phòng hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;

Thực hiện Kế hoạch số 57/KH-THTL ngày 4/9/2025 của Trường Tiểu học Tiên Lăng về thực hiện công tác công khai năm học 2025-2026;

Trường Tiểu học Tiên Lăng đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo thường niên năm 2025 cụ thể như sau:

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên đơn vị:

Trường Tiểu học Tiên Lăng - xã Tiên Lăng - Hải Phòng

#### 2. Địa điểm trụ sở chính:

Thôn Trung Lãng Đông, xã Tiên Lăng, Hải Phòng

Địa chỉ thư điện tử: [tl-ththitranlienlang@.haiphong.edu.vn](mailto:tl-ththitranlienlang@.haiphong.edu.vn).

Website: <https://thtienlang.haiphong.edu.vn>

#### 3. Loại hình:

Trường Tiểu học công lập. Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Tiên Lăng.

#### 4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Quá trình thành lập: Trường Tiểu học Tiên Lãng nằm trên địa bàn xã Tiên Lãng gồm 2 điểm trường, khu điểm trường Trung tâm nằm trên địa bàn Thôn Trung Lãng Đông và khu điểm trường 2 thuộc địa bàn thôn Đông Cầu xã Tiên Lãng, tổng diện tích 2 khu là 6805 m<sup>2</sup>.

Trường được chia tách từ trường Phổ thông cơ sở Tiên Lãng từ ngày 01 tháng 9 năm 1987 thành trường Phổ thông cơ sở cấp 1. Đến ngày 10 tháng 8 năm 2001 do số lớp đông nên được chia tách thành 2 trường Tiểu học và từ năm 2001, trường mang tên là trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng. Từ tháng 7 năm 2025 trường được đổi tên là trường Tiểu học Tiên Lãng.

Trường Tiểu học Tiên Lãng là trường công lập do UBND huyện Tiên Lãng (cũ) thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Tiên Lãng.

Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

#### **6. Thông tin người đại diện pháp luật Người đại diện pháp luật:**

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Bôn

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Trung Lãng Đông, xã Tiên Lãng, Hải Phòng

Số điện thoại: 0942723688

#### **7. Tổ chức bộ máy.**

##### **a) Quyết định thành lập trường**

Trường được thành lập theo Quyết định số 531/QĐ-UB ngày 01/8/1987 của UBND huyện Tiên Lãng về chia tách PTCS Thị trấn Tiên Lãng thành 2 trường phổ thông cơ sở cấp I và cấp II; Quyết định số 761/QĐ-UB ngày 10 tháng 8 năm 2001 của UBND huyện Tiên Lãng về chia tách trường Tiểu học.

Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND xã Tiên Lãng về việc đổi tên một số đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Ủy Ban nhân dân xã Tiên Lãng.

b) Quyết định số 4230/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 về kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng nhiệm kỳ 2020 -2025 và danh sách thành viên hội đồng trường.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng.

\* Quyết định Hiệu trưởng.

Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND huyện Tiên Lãng về việc bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Ngọc Bôn Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Tiến.

Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND huyện Tiên Lãng về việc bổ nhiệm, điều động cán bộ quản lý ngành giáo dục.

Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND xã Tiên Lãng về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Bôn Hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng (trước sắp xếp đơn vị hành chính) giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Lãng, xã Tiên Lãng. Thời hạn bổ nhiệm 5 năm tính từ ngày 01/10/2024 (theo QĐ bổ nhiệm cũ).

\* Quyết định Phó Hiệu trưởng.

Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 về việc điều động, bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Huyền phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Minh; Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý ngành giáo dục

Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND xã Tiên Lãng về việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Huyền Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng (trước sắp xếp đơn vị hành chính) giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Lãng, xã Tiên Lãng. Thời hạn bổ nhiệm 5 năm tính từ ngày 01/10/2024 (theo QĐ bổ nhiệm cũ).

Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 về việc bổ nhiệm có thời hạn bà Vũ Diệu Thủy phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng; Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 về việc bổ nhiệm lại có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng.

Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND xã Tiên Lãng về việc bổ nhiệm bà Vũ Diệu Thủy Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng (trước sắp xếp đơn vị hành chính) giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Lãng, xã Tiên Lãng. Thời hạn bổ nhiệm 5 năm tính từ ngày 01/10/2021 (theo QĐ bổ nhiệm cũ).

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

\* Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Tiên Lãng

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn;

phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

\* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Thị trấn Tiên Lãng được thành lập theo được thành lập theo Quyết định số 761/QĐ-UB ngày 10 tháng 8 năm 2001 của UBND huyện Tiên Lãng về chia tách trường Tiểu học. Từ ngày 01/7/2025 đổi tên trường Tiểu học thị trấn Tiên Lãng thành trường Tiểu học Tiên Lãng theo Quyết định số 03/QĐ-UBND. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp.

Trường Tiểu học Tiên Lãng là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND xã Tiên Lãng.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

\* Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 37 đảng viên.

+ Tổ chức đội: có 19 lớp sao nhi đồng và 11 chi đội.

+ Tổ chức Đoàn: 16 đoàn viên.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số ĐT	Thư điện tử
1	Nguyễn Ngọc Bôn	Hiệu trưởng	0942723688	ngocbonhtn@gmail.com
2	Vũ Diệu Thủy	Phó Hiệu trưởng	0973283958	vudieuthuytlhp@gmail.com
3	Nguyễn Thị Huyền	Phó Hiệu trưởng	0936 567 033	huyenmanh1981@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Trung Lãng Đông, xã Tiên Lãng, Hải Phòng

## 8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 127/QĐ-THTL ngày 31/10/2025 về việc Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” năm học: 2025 - 2026.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo	Hạng chức danh nghề nghiệp	Chuẩn nghề nghiệp (Tự đánh giá)	Ghi chú
----	----------	---------	------------------	----------------------------	---------------------------------	---------



2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp (Tự đánh giá)

Tổng số cán bộ quản lý và giáo viên: 47 Trong đó BC: 44; HĐ: 03 (trong đó Tốt:  $38/44 = 86.3\%$ ; Khá  $6/44 = 13,7\%$ ; Đạt:  $0 = 0\%$ ).

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 100% trong đó BGH: 03, GV: 44.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Diện tích	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>			Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>			-
2	Phòng học kiên cố	31		1.03
2	Phòng học bán kiên cố	0		
3	Phòng học tạm	0		
4	Phòng học nhờ, mượn	0		
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	2		
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>		6.805 m <sup>2</sup>	6,6 m <sup>2</sup>
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	2	5005 m <sup>2</sup>	4,8 m <sup>2</sup>
<b>VI</b>	<b>Tổng số phòng, hạng mục</b>			
<b>1</b>	<b>Khối phòng hành chính, quản trị</b>			
1.1	Phòng Hiệu trưởng	1	40 m <sup>2</sup>	
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	36 m <sup>2</sup>	
1.3	Phòng Kế toán	1	16 m <sup>2</sup>	
1.4	Phòng văn thư	1	16 m <sup>2</sup>	
1.5	Phòng y tế	1	20 m <sup>2</sup>	
1.6	Văn phòng	1	120 m <sup>2</sup>	
1.7	Phòng lưu trữ hồ sơ	1	40 m <sup>2</sup>	
1.8	Bảo vệ	2	30 m <sup>2</sup>	
<b>2</b>	<b>Khối phòng học tập</b>			

2.1	Số phòng học/số lớp	31	1602.5	1.55 m <sup>2</sup>
2.2	Loại phòng học			
2.3	<i>Phòng học kiên cố</i>	31	1602.5	1.55 m <sup>2</sup>
2.4	<i>Phòng học bán kiên cố</i>	0	0	0
2.5	<i>Phòng học tạm</i>	0	0	0
2.6	<i>Phòng học nhờ, mượn</i>	0	0	0
<b>3</b>	<b>Khối phòng hỗ trợ học tập</b>			
3.1	Phòng bộ môn			
	Phòng bộ môn Âm nhạc	1	47.5 m <sup>2</sup>	1.39 m <sup>2</sup>
	Phòng bộ môn Mỹ thuật	2	77 m <sup>2</sup>	2.26 m <sup>2</sup>
	Phòng bộ môn Tin học	2	97,5 m <sup>2</sup>	1.45 m <sup>2</sup>
	Phòng bộ môn Tiếng Anh	0	0	0
3.2	Phòng đoàn Đội	1	16 m <sup>2</sup>	
3.3	Phòng truyền thống	1	20 m <sup>2</sup>	
3.4	Phòng thư viện	1	63 m <sup>2</sup>	1.8 m <sup>2</sup>
3.5	Phòng thiết bị	1	23 m <sup>2</sup>	0.67 m <sup>2</sup>
3.6	Phòng tư vấn học đường	0	0	0
<b>4.</b>	<b>Khối phụ trợ</b>			
4.1	Phòng tiếp dân	0	0	
4.2	Phòng y tế	1	20 m <sup>2</sup>	0.58 m <sup>2</sup>
4.3	Nhà kho	1	32 m <sup>2</sup>	
<b>5</b>	<b>Khu sân chơi</b>	2	5005 m <sup>2</sup>	4.8 m <sup>2</sup>
<b>6</b>	<b>Khối phòng sinh hoạt</b>			
6.1	Phòng giáo viên	2	80 m <sup>2</sup>	1.56 m <sup>2</sup>
6.2	Phòng họp hội đồng	0	0	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị : bộ)			Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	30		31/30 = 1.03

1.1	Khối lớp 1	06		$07/06 = 1.16$
1.2	Khối lớp 2	06		$06/06 = 1$
1.3	Khối lớp 3	07		$06/07 = 0.85$
1.4	Khối lớp 4	05		$06/05 = 1.2$
1.5	Khối lớp 5	06		$06/06 = 1$
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0		01
2.1	Khối lớp 1	06		0
2.2	Khối lớp 2	06		0
2.3	Khối lớp 3	07		01
2.4	Khối lớp 4	05		0
2.5	Khối lớp 5	06		0
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	<b>93</b>		
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>			Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30		30/30
2	Màn hình tương tác	01		01/30
3	Máy soi vật thể	30		30/30
4	Cát xét	0		
5	Đầu Video/đầu đĩa	0		
6	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1		
7	Máy chụp ảnh	0		
8	Camera	11		
9	Thiết bị khác	0		
<b>X</b>	Nhà bếp	200 m <sup>2</sup>		
<b>XI</b>	Nhà ăn	0		
<b>XII</b>	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	25 phòng, 1300,1 m <sup>2</sup>	910	1.42 m <sup>2</sup> /chỗ

<b>XIII</b>	Khu nội trú		0	0	0	
<b>XIV</b>	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	00	03	00	0.1
2	Chưa đạt chuẩn VS*	00	00	00	00	00

(\*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
<b>XV</b>	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
<b>XVI</b>	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
<b>XVII</b>	Kết nối internet	x	
<b>XVIII</b>	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
<b>XIX</b>	Tường rào xây	x	

**\* Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt năm học 2025 -2026:**

### Khối lớp 1

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bằng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thản (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Mĩ thuật 1	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	NBX Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 1 (Phonics - Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quán Lê Duy.	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	

## Khối lớp 2

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hường, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo Đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyên, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

Mỹ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biễn (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 2 (Phonics-Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quản Lê Duy.	NXB ĐH Quốc gia Thành phố HCM	

### Khối lớp 3

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Than (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 3 (Wonderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh, Trần Thị Anh Thư.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Bình Minh Group

#### Khối lớp 4

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.		
Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

	Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.		
Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 4	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 4 (Worlderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

### Khối lớp 5

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
----------	-------------	--------------	---------------

Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.		
Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biễn, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô	Nhà xuất bản Giáo	Kết nối tri thức

	Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	dục Việt Nam	với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 5 (Wonderful World)	Nguyễn Vũ Quỳnh Như (Chủ biên), Trần Thị Thảo Phương, Đặng Thị Cẩm Tú, Trần Thị Thu Sương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

**\* Danh mục xuất bản phẩm tham khảo năm học 2025 -2026**

Khối	Tên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Vở bài tập Tiếng Việt 1 tập 1,2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Vở bài tập Toán 1 tập 1,2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Vở tập Viết 1 (Tập 1,2)	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	SBT Tiếng Anh 1 (Phonics - Smart )	Đại học quốc gia TP. HCM	
2	Vở bài tập Tiếng Việt 2 tập 1, 2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống.
	Vở bài tập Toán 2 tập 1, 2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống.
	Vở Tập viết 2 tập 1, 2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống.
	SBT Tiếng Anh 2 (Phonics – Smart)	Đại học Quốc Gia TP.Hồ Chí Minh	
3	Vở bài tập Tiếng Việt 3 tập 1, 2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Vở bài tập Toán 3, tập 1, 2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Vở Tập viết 3 tập 1	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Sách Bài tập Tiếng Anh 3 (Wonderful World)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
4	Vở bài tập tiếng Việt 4 tập 1,2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Vở bài tập toán 4 tập 1,2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

	SBT Tiếng Anh 4 (Wonderful World)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
5	Vở bài tập Tiếng Việt 5 tập 1,2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Vở bài tập Toán 5 tập 1,2	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Sách Bài tập Tiếng Anh 5 (Wonderful World)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

Cụ thể: 1. Đánh giá tiêu chí mức 1,2, và 3.

**Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			Nội dung không đạt	
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2		Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					
Tiêu chí 1.1				x	
Tiêu chí 1.2				x	
Tiêu chí 1.3				x	
Tiêu chí 1.4				x	
Tiêu chí 1.5				x	
Tiêu chí 1.6				x	
Tiêu chí 1.7				x	
Tiêu chí 1.8				x	
Tiêu chí 1.9				x	
Tiêu chí 1.10				x	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>					

Tiêu chí 2.1				x	
Tiêu chí 2.2				x	
Tiêu chí 2.3				x	
Tiêu chí 2.4				x	
<b>Tiêu chuẩn 3</b>					
Tiêu chí 3.1	x				Chưa có sân tập TDTT
Tiêu chí 3.2	x				Chưa có thiết bị chuyên biệt phòng học bộ môn dạy AN, MT, TA
Tiêu chí 3.3				x	
Tiêu chí 3.4				x	
Tiêu chí 3.5				x	
Tiêu chí 3.6				x	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>					
Tiêu chí 4.1				x	
Tiêu chí 4.2				x	
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					
Tiêu chí 5.1				x	
Tiêu chí 5.2				x	
Tiêu chí 5.3				x	
Tiêu chí 5.4				x	
Tiêu chí 5.5				x	

#### 1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	

Tiêu chí 1	KHGD NT chưa được tham khảo của các nước khu vực và thế giới		
Tiêu chí 2		X	Học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.
Tiêu chí 3	Thư viện, phòng đọc chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường, chưa có phòng học thông minh		
Tiêu chí 4		X	Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.
Tiêu chí 5		X	Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2; đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Kế hoạch tuyển sinh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2025 – 20256

(Kế hoạch số 35/KH-THTT ngày 18/6/2025 của trường TH Thị trấn Tiên Lãng)

Đối tượng tuyển sinh: Tuyển trẻ 6 tuổi sinh năm 2019 trở về trước (*huy động cả trẻ khuyết tật*) có hộ khẩu và hiện đang sinh sống trên địa bàn xã Tiên Lãng.

Chỉ tiêu tuyển sinh: Số lớp: 06 lớp - Số HS: 210 học sinh

+ Thời gian tuyển sinh:

Tuyển sinh bắt đầu từ 01/7/2025 đến hết 26/7/2025: Triển khai tuyển sinh chính thức năm học 2025-2026 trên hệ thống tuyển sinh trực tuyến đầu cấp. Trường hợp chưa đủ điều kiện tuyển sinh thì tuyển sinh trực tiếp.

Kết quả tuyển sinh: Năm học 2025-2026 nhà trường tuyển sinh 6 lớp với tổng số là 193 học sinh.

## 2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế học kì I năm học 2025 -2026.

	Số số	Tổng số	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Tổng số	KT	Tổng số	KT	Tổng số	KT	Tổng số	KT	Tổng số	KT
<b>I. Kết quả học tập</b>												
<b>1. Tiếng Việt</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>973</b>	186		199	1	216		173	1	199	2
Hoàn thành		<b>48</b>	5	1	9		11		7		16	
Chưa hoàn thành		<b>7</b>	3		2				1		1	
<b>2. Toán</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>899</b>	181		196	1	188		153		181	1
Hoàn thành		<b>116</b>	10	1	12		38		26		30	
Chưa hoàn thành		<b>13</b>	3		2		1		2	1	5	1
<b>3. Đạo đức</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>943</b>	180		189	1	209		163		202	2
Hoàn thành		<b>83</b>	12	1	21		18		18	1	14	
Chưa hoàn thành		<b>2</b>	2									
<b>4. Tự nhiên và Xã hội</b>	<b>631</b>	<b>631</b>	194	1	210	1	227					
Hoàn thành tốt		<b>573</b>	180		191	1	202					
Hoàn thành		<b>55</b>	11	1	19		25					
Chưa hoàn thành		<b>3</b>	3									
<b>5. Khoa học</b>	<b>397</b>	<b>397</b>							181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>376</b>							165		211	2
Hoàn thành		<b>21</b>							16	1	5	
Chưa hoàn thành												
<b>6. LS&amp;ĐL</b>	<b>397</b>	<b>397</b>							181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>373</b>							163		210	2
Hoàn thành		<b>24</b>							18	1	6	
Chưa hoàn thành												
<b>7. Nghệ thuật (Âm nhạc)</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2

Hoàn thành tốt		<b>935</b>	179		190	1	203		163		200	1
Hoàn thành		<b>90</b>	12	1	20		24		18	1	16	1
Chưa hoàn thành		<b>3</b>	3									
<b>8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>949</b>	179		192	1	208		165		205	1
Hoàn thành		<b>77</b>	13	1	18		19		16	1	11	1
Chưa hoàn thành		<b>2</b>	2									
<b>9. Hoạt động trải nghiệm</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>941</b>	178		188	1	206		164		205	2
Hoàn thành		<b>85</b>	14	1	22		21		17	1	11	
Chưa hoàn thành		<b>2</b>	2									
<b>10. Giáo dục thể chất</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>944</b>	180		191	1	202		164		207	1
Hoàn thành		<b>82</b>	12	1	19		25		17	1	9	1
Chưa hoàn thành		<b>2</b>	2									
<b>11. TH-CN (Công nghệ)</b>	<b>624</b>	<b>624</b>					227		181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>581</b>					208		162		211	2
Hoàn thành		<b>43</b>					19		19	1	5	
Chưa hoàn thành												
<b>12. TH-CN (Tin học)</b>	<b>624</b>	<b>624</b>					227		181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>584</b>					210		162		212	2
Hoàn thành		<b>40</b>					17		19	1	4	
Chưa hoàn thành												
<b>13. Ngoại ngữ</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Hoàn thành tốt		<b>887</b>	175		193	1	179		155		185	1
Hoàn thành		<b>135</b>	13		17		48		26	1	31	1
Chưa hoàn thành		<b>6</b>	6	1								
<b>14. Tiếng dân tộc</b>												
Hoàn thành tốt												
Hoàn thành												
Chưa hoàn thành												
<b>II. Năng lực cốt lõi</b>												
<b>Năng lực chung</b>												
<b>Tự chủ và tự học</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Tốt		<b>903</b>	177		186	1	200		153		187	1
Đạt		<b>118</b>	13	1	23		27		28	1	27	
Cần cố gắng		<b>7</b>	4		1						2	1
<b>Giao tiếp và hợp tác</b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2



<b><i>Yêu nước</i></b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Tốt		<b>1002</b>	190	1	207	1	221		175	1	209	2
Đạt		<b>26</b>	4		3		6		6		7	
Cần cố gắng												
<b><i>Nhân ái</i></b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Tốt		<b>1000</b>	189	1	207	1	218		171		215	2
Đạt		<b>28</b>	5		3		9		10	1	1	
Cần cố gắng												
<b><i>Chăm chỉ</i></b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Tốt		<b>920</b>	179	1	189	1	202		158		192	2
Đạt		<b>104</b>	11		21		25		23	1	24	
Cần cố gắng		<b>4</b>	4									
<b><i>Trung thực</i></b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Tốt		<b>967</b>	182	1	200	1	212		170		203	2
Đạt		<b>59</b>	10		10		15		11	1	13	
Cần cố gắng		<b>2</b>	2									
<b><i>Trách nhiệm</i></b>	<b>1028</b>	<b>1028</b>	194	1	210	1	227		181	1	216	2
Tốt		<b>932</b>	180	1	189	1	205		158		200	2
Đạt		<b>94</b>	12		21		22		23	1	16	
Cần cố gắng		<b>2</b>	2									
<b><i>IV. Khen thưởng</i></b>												
- Giấy khen cấp trường												
- Giấy khen cấp trên												
<b><i>V. HSDT được trợ giăng</i></b>	<b>1</b>	<b>1</b>			1							
<b><i>VI. HS.K. Tật</i></b>	<b>5</b>	<b>5</b>	1	1	1	1			1	1	2	2
<b><i>VII. HS bỏ học kỳ I</i></b>												
+ Hoàn cảnh GDKK												
+ KK trong học tập												
+ Xa trường, đi lại K.khẩn												
+ Thiên tai, dịch bệnh												
+ Nguyên nhân khác												

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

**Báo cáo kết quả hoạt động tài chính năm 2025**  
( Ngân sách năm 2025, các khoản thu khác tại đơn vị năm 2025)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
<b>A</b>	<b>Nguồn ngân sách từ 01/1/2025 đến 31/12/2025</b>	<b>16.395.723.517</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách cấp</b>	<b>16.395.723.517</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên ( nguồn 13)</b>	<b>11.878.532.118</b>
1.1	Kinh phí lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn)	10.546.169.118
1.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản theo lương (đã trừ 10% tiết kiệm chi đầu năm)	1.332.363.000
<b>2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>4.517.191.399</b>
2.1	Kinh phí sửa chữa nhà lớp học và phụ trợ trường tiểu học Tiên Lãng	2.263.201.000
2.2	Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm Quản lý tài sản, Phần mềm quản lý cán bộ năm 2025	12.000.000
2.3	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật năm 2025	4.800.000
2.4	Kinh phí quỹ khen thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	541.748.000
2.5	Kinh phí phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo NĐ 28/2012/NĐ-CP	95.544.759
2.6	Kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm theo Nghị Quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố	1.599.897.640
<b>II</b>	<b>Tổng chi ngân sách</b>	<b>16.395.723.517</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm ( nguồn 13)</b>	<b>11.878.532.118</b>
1.1	Chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương ( bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, BHTNNN)	10.546.169.118
1.2	Chi tiết kiệm cắt giảm 10% chi thường xuyên ngân sách năm 2025 nộp cấp trên	78.000.000

<b>1.3</b>	<b>Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản theo lương ( đã trừ 10% tiết kiệm chi đầu năm)</b>	<b>1.332.363.000</b>
1.3.1	Chi tiền lương của Bảo vệ lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022 và thuê công lao động khác	165.600.000
1.3.2	Chi tiền thưởng	92.950.000
1.3.3	Chi phúc lợi tập thể	303.180.135
1.3.4	Chi tiền điện	87.512.214
1.3.5	Chi tiền nước	18.526.200
1.3.6	Chi tiền khoán phương tiện theo chế độ, khác	18.537.914
1.3.7	Chi văn phòng phẩm	32.960.000
1.3.8	Chi mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	42.272.092
1.3.9	Khoán văn phòng phẩm	18.900.000
1.3.10	Vật tư văn phòng khác	71.860.000
1.3.11	Chi thuê bao Cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	5.054.000
1.3.12	Chi sách, báo, tạp chí thư viện, tuyên truyền báo chí	18.800.000
1.3.13	Chi khoán công tác phí	31.200.000
1.3.14	Chi thuê thiết bị	44.000.000
1.3.15	Chi sửa chữa, duy tu tài sản các thiết bị công nghệ thông tin	95.470.000
1.3.16	Chi sửa chữa, duy tu tài sản đường điện, cấp thoát nước	15.260.000
1.3.17	Chi sửa chữa, duy tu tài sản các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	96.253.520
1.3.18	Chi mua sắm các thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị phục vụ chuyên môn	124.227.720
1.3.19	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	33.913.146
1.3.20	Chi các khoản phí và lệ phí	15.886.059
<b>2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>4.517.191.399</b>
2.1	Kinh phí sửa chữa nhà lớp học và phụ trợ trường tiểu học Tiên Lãng	2.263.201.000

2.2	Kinh phí gia hạn phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm Quản lý tài sản, Phần mềm quản lý cán bộ năm 2025	12.000.000
2.3	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh khuyết tật năm 2025	4.800.000
2.4	Kinh phí quỹ khen thưởng theo nghị định số 73/2024/NĐ-CP	541.748.000
2.5	Kinh phí phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật theo NĐ 28/2012/NĐ-CP	95.544.759
2.6	Kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm theo Nghị Quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND của HĐND thành phố	1.599.897.640
<b>III</b>	<b>Tồn ngân sách</b>	<b>0</b>
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên ( Nguồn 13)	0
2	Nhận dự toán sinh phí không thường xuyên ( nguồn 12,15,18)	0
<b>B</b>	<b>THU KHÁC TẠI ĐƠN VỊ</b>	
<b>B.1</b>	<b>Quản lý học sinh ngoài giờ chính khóa</b>	
1	Tổng thu.	457.874.079
2	Tổng chi.	455.368.400
3	Tồn	2.505.679
<b>B.2</b>	<b>Học thêm Tiếng Anh với giáo viên nước ngoài</b>	
1	Tổng thu.	767.622.075
2	Tổng chi.	745.813.971
3	Tồn	21.808.104
<b>B.3</b>	<b>Học thêm kĩ năng sống</b>	
1	Tổng thu.	402.950.969
2	Tổng chi.	391.287.354
3	Tồn	11.663.615
<b>B.4</b>	<b>Hỗ trợ trông coi xe học sinh</b>	
1	Tổng thu.	13.750.000

2	Tổng chi.	9.430.000
3	Tồn	4.320.000
<b>B.5</b>	<b>Chăm sóc học sinh bán trú</b>	
1	Tổng thu	425.903.316
2	Tổng chi	431.638.862
3	Tồn	4.264.454
<b>B.6</b>	<b>Tiền ăn bán trú</b>	
1	Tổng thu.	1.853.152.000
2	Tổng chi	1.843.240.000
3	Tồn	9.912.000
<b>B.7</b>	<b>Cơ sở vật chất bán trú</b>	
1	Tổng thu.	64.100.000
2	Tổng chi	51.353.000
3	Tồn	12.747.600
<b>B.8</b>	<b>Hỗ trợ cơ sở vật chất học 2 buổi/ ngày</b>	
1	Tổng thu.	103.102.678
2	Tổng chi	87.666.041
3	Tồn	15.436.637
<b>B.9</b>	<b>Chăm sóc sức khỏe ban đầu</b>	
1	Tổng thu.	20.448.784
2	Tổng chi	20.448.600
3	Tồn	184
<b>B.10</b>	<b>Bảo hiểm y tế học sinh</b>	
1	Tổng thu.	628.431.320
2	Tổng chi	628.431.320

3	Tồn	0
<b>B.11</b>	<b>Tiền khác</b>	
1	Tổng thu	3.615.300
2	Tổng chi	3.570.300
3	Tồn	45.000
<b>B.12</b>	<b>Lãi ngân hàng</b>	
1	Tổng thu	546.282
2	Tổng chi	198.160
3	Tồn	348.122
<b>B.13</b>	<b>Tiền ủng hộ, nhân đạo từ thiện</b>	
1	Tồn năm 2024 chuyển sang	0
2	Tổng thu	262.654.366
3	Tổng chi	262.654.366
3.1	Ủng hộ tân binh lên đường nhập ngũ	4.900.000
3.2	Nuôi lợn siêu trọng tặng quà đầu năm	41.680.000
3.3	Kinh phí Hội chưa thập đỏ Thị trấn	1.764.000
3.4	Phòng chống thiên tai 2025 Huyện	2.605.000
3.5	Phòng chống thiên tai 2025 Xã	2.695.000
3.6	Ủng hộ nạn nhân da cam, khuyết tật	17.000.000
3.7	ủng hộ đại đoàn kết toàn dân khu 4	7.500.000
3.8	Ủng hộ vì người nghèo 2025	15.722.366
3.9	Ủng hộ nhân dân bị thiệt hại nặng nề do bão	5.100.000
3.10	ủng hộ ngành GD tỉnh Đắc Lắc	163.688.000
3.11	Ủng hộ nhân dân Thái nguyên bị mưa lũ Gạo, cơm hộp và nhu phẩm thiết yếu	hiện vật

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Thực hiện giáo dục năng lực số và chuyển đổi số trong nhà trường

a) Công tác chỉ đạo: Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục năng lực số gắn với lộ trình chuyển đổi số trong giáo dục; chỉ đạo thống nhất việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và đánh giá học sinh. Ban giám hiệu tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên sử dụng các phần mềm, nền tảng số dùng chung; phân công cán bộ phụ trách theo dõi, hỗ trợ kỹ thuật, bảo đảm việc triển khai học bạ số và các hoạt động chuyển đổi số được thực hiện đồng bộ, đúng quy định.

b) Kết quả đạt được: Giáo viên từng bước nâng cao năng lực số, chủ động ứng dụng công nghệ trong soạn giảng, tổ chức hoạt động học tập và kiểm tra đánh giá. Nội dung giáo dục năng lực số được lồng ghép phù hợp trong các môn học và hoạt động giáo dục, giúp học sinh hình thành các kỹ năng số cơ bản, an toàn và hiệu quả.

Công tác quản lý, điều hành của nhà trường được thực hiện trên môi trường số; văn bản, hồ sơ, dữ liệu được cập nhật, lưu trữ điện tử. Việc triển khai học bạ số được thực hiện nghiêm túc, dữ liệu đánh giá học sinh được cập nhật kịp thời, chính xác, góp phần giảm hồ sơ giấy, nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho phụ huynh trong việc theo dõi kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

c) Tồn tại, hạn chế: Việc ứng dụng công nghệ số giữa các bộ phận, giáo viên chưa đồng đều; một số giáo viên tuổi cao còn hạn chế kỹ năng sử dụng phần mềm, nền tảng số. Kỹ năng số của học sinh chưa đồng đều, còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của giáo viên và gia đình.

### 2. Tăng cường xây dựng nề nếp, kỷ cương và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh

a) Công tác chỉ đạo: Nhà trường xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện nề nếp, kỷ cương trường học gắn với giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh. Ban giám hiệu chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn phối hợp triển khai nội quy, quy tắc ứng xử trong trường học; lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống vào các môn học, hoạt động trải nghiệm và sinh hoạt tập thể. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện được duy trì thường xuyên.

b) Kết quả đạt được: Nề nếp dạy học và sinh hoạt trong nhà trường được duy trì ổn định; học sinh có ý thức chấp hành nội quy, quy định của trường, lớp. Thông qua các hoạt động giáo dục, học sinh từng bước hình thành các kỹ năng sống cơ bản như giao tiếp, hợp tác, tự phục vụ, ứng xử văn minh, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn. Môi trường giáo dục ngày càng an toàn, thân thiện; mối quan hệ thầy – trò, bạn bè được củng cố tích cực.

c) Tồn tại, hạn chế: Một số học sinh còn hạn chế về kỹ năng tự quản, ý thức tự giác chưa cao.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2025 của trường Tiểu học Tiên Lãng, nhà trường công khai đến Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026./.

***Nơi nhận:***

- UBND xã Tiên Lãng;
- Phòng VHXXH;
- BCĐ thực hiện công khai;
- Trang Web nhà trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngọc Bôn**